

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày: 09/10/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Hùng
2. Ông Ksor Thí

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Ksor A; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 05/9/2004 tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Làng D 1, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jarai; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Ksor Y và bà Rơ Châm B; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 01/6/2023 đến nay. Có mặt.

2. Ksor P; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/8/2002 tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Làng D 1, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jarai; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Ksor P và bà Rơ Châm D; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 04/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 04/9/2020 chấp hành xong thời gian thử thách; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 01/6/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Phạm Thị L; Sinh năm: 1990; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Cáp Thị Tuyết S; Sinh năm: 1981; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Bà Trần Thị Kim T; Sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Đ tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Rơ Châm M; Sinh ngày: 17/10/2008; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D 2, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Rơ Châm M: Ông Rơ Châm M; Sinh năm: 1986; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D 2, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Ksor Q; Sinh ngày: 18/3/2008; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D 1, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Ksor Q: Bà Ksor N; Sinh năm: 1980; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D 1, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Ksor A1; Sinh năm: 1997; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D 1, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Puih Djên – Công tác tại Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 3 và tháng 4/2023, bị cáo Ksor A đã cùng đồng phạm thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ ngày 06/3/2023, Ksor A đến nhà Rơ Châm M rủ M đi tìm nhà nào có sơ hở để trộm cắp tài sản thì M đồng ý. Ksor A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu trắng đen, BKS: 81B2- 786.49 chở M đến khu vực thôn T, xã S, huyện G thì phát hiện một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 81V1-150.52 của chị Phạm Thị L dựng trước sân nhà, không có người trông coi. A điều khiển xe mô tô chở M đến một lô cà phê gần đó rồi M ở lại coi xe, canh chừng còn A đi bộ dọc theo đường đất, lén lút trèo hàng rào vào sân nhà, tiến tới vị trí xe mô tô nói trên, dùng tay nâng cốp xe lên, thò tay vào trong cốp xe lấy ra một túi ni lông bên trong có tiền. A mang túi ni lông đến chỗ M. Tại đây, A đếm số tiền trộm cắp được là 15.000.000 đồng và chia cho M số tiền 5.000.000 đồng, còn A giữ số tiền 10.000.000 đồng, sau đó cả hai ra về. Số tiền trên cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 14 giờ ngày 16/3/2023, Ksor A đến nhà của Ksor P và rủ P đi trộm cắp tài sản thì P đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu trắng đen, BKS: 81B2- 786.49 chở P đến khu vực thôn T, xã S, huyện G thì thấy có một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 81X1-037.13 của chị Cáp Thị Tuyết S dựng trước sân nhà không có người trông coi. Lúc này, A chở P đến giấu xe mô tô ở lô cà phê gần đó rồi cùng P đi bộ đến tiếp cận chiếc xe mô tô. Khi đến nơi, P đứng cách xe mô tô trên khoảng 3m để canh giới còn A đến gần dùng tay nâng cốp xe lên thì thấy cốp xe không khóa, A thò tay vào trong cốp xe lấy ra một túi ni lông màu hồng bên trong có chứa tiền rồi cùng P mang túi ni lông này quay lại nơi cất giấu xe mô tô lấy toàn bộ số tiền trong túi ni lông ra đếm được 25.000.000 đồng) Anh chia cho mỗi người 12.000.000 đồng,

còn lại 1.000.000 triệu đồng cả hai cùng nhau tiêu xài hết. Hiện số tiền được chia cũng đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 12 giờ ngày 27/4/2023, Ksor A đến nhà Ksor Q và rủ Q đi tìm nhà nào có sơ hở để trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Sau đó, Anh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu trắng đen, BKS: 81B2-786.49 chở Q đến khu vực làng D 2, xã S, huyện G thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, BKS: 81B2-570.66 của chị Trần Thị Kim T để trước vườn chanh dây không có người trông coi. Lúc này, A chở Q đến lô cà phê ở gần đó để cất giấu xe mô tô rồi cả hai đi bộ đến tiếp cận chiếc xe mô tô. Q dùng tay kéo nắp cốp xe lên còn A đưa tay vào lục lọi rồi lấy ra một túi xách màu đỏ bên trong có giấy tờ và tiền. A lấy hết số tiền trong túi xách ra, bỏ lại túi xách và giấy tờ rồi cùng với Q quay lại nơi cất giấu xe mô tô. Tại đây, A chia cho Q 500.000 đồng. Số tiền còn lại A lấy, khi về nhà thì A đếm được là 39.500.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 16/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Ksor A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Ksor P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ksor A từ 03 năm - 03 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ksor P từ 16 tháng – 20 tháng tù; không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền trộm cắp, các bị hại đều không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu trắng đen, BKS: 81B2-786.49 là tài sản hợp pháp của anh Ksor A1 là anh của bị cáo Ksor A. Anh Ksor A1 cho bị cáo mượn xe để đi lại, không biết việc bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G đã thu giữ và sau đó trả lại cho anh Ksor A1 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Ksor A và Ksor P công nhận bị cáo Ksor A là người chủ mưu thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản và bị cáo Ksor P tham gia 01 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn xã S, huyện G như Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu, cụ thể như sau:

Ngày 06/3/2023, bị cáo Ksor A rủ anh Rơ Châm M đến khu vực thôn T, xã S, huyện G, bị cáo dùng tay nâng cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead trộm cắp của chị Phạm Thị L số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 16/3/2023, bị cáo Ksor A rủ bị cáo Ksor P đến khu vực thôn T, xã S, huyện G, bị cáo dùng tay nâng cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade trộm cắp của chị Cáp Thị Tuyết S trộm cắp số tiền là 25.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2023, bị cáo Ksor A rủ anh Ksor Q đến khu vực làng D 2, xã S, huyện G, bị cáo Anh dùng tay nâng cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode trộm cắp của bà Trần Thị Kim T số tiền là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà bị cáo Ksor A trộm cắp 03 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 80.000.000 đồng; Bị cáo Ksor P tham gia trộm cắp 01 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.000.000 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đủ 18 tuổi, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đã thực hiện. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Ksor A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Ksor P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội.

[5] Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò và nhân thân khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với bị cáo Ksor A là người chủ mưu rủ bị cáo Ksor P là người đã thành niên và các anh Rơ Châm M, Ksor Q là những người chưa thành niên thực hiện 03 lần trộm cắp với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 80.000.000 đồng. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường đủ cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt, được bị hại bãi nại, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có bà ngoại là người có công đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án, phạm tội nhiều lần nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Đối với bị cáo Ksor P không phải là người chủ mưu nhưng là đồng phạm thực hành tội phạm tích cực. Trước đó bị cáo cũng đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị kết án tù cho hưởng án treo nhưng không chịu rèn luyện, cải tạo bản thân, tiếp tục phạm tội mới. Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để ngăn ngừa việc bị cáo phạm tội mới và cũng là

thời gian cần thiết để bị cáo được giáo dục, cải tạo bản thân. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội cũng đã hành khẩn khai báo, bồi thường đủ cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt, được bị hại bãi nại và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với anh Rơ Châm M và Ksor Q là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật này đều chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã chuyển hồ sơ xử phạt hành chính đến Công an xã S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền trộm cắp, các bị hại đều không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu trắng đen, BKS: 81B2-786.49 là tài sản hợp pháp của anh Ksor A1 là anh của bị cáo Ksor A. Anh An cho bị cáo mượn xe để đi lại, không biết việc bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G đã thu giữ và sau đó trả lại cho anh An là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ksor A, Ksor P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ksor A 03 (ba) năm tù, thời gian hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/6/2023).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ksor P 18 (mười tám) tháng tù, thời gian hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/6/2023).

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Ksor A, Ksor P để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Ksor A, Ksor P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Người đại diện của người có QLNVLQ;
- UBND xã S;
- TAND tỉnh Gia Lai; Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính